

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NHẬT QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 91/QĐ-UBND

Nhật Quang, ngày 04 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã 6 tháng đầu năm
năm 2022**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NHẬT QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 28/12/2021 của HĐND xã Nhật Quang về việc giao dự toán thu chi ngân sách xã năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 04/1/2022 của UBND xã Nhật Quang về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của cán Cán bộ Tài chính – Kế toán xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã 6 tháng đầu năm năm 2022 của xã Nhật Quang.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

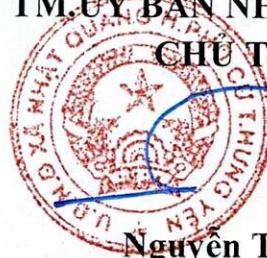
Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, Ban Tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND huyện Phù Cừ;
- Phòng TC-KH huyện;
- Đảng Ủy xã; HĐND xã
- Các trưởng thôn trong xã
- Lưu VP.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thế Ân

Số: 26^b /TB-UBND

Nhật Quang, ngày 04 tháng 7 năm 2022

THÔNG BÁO

Công khai thuyết minh dự toán thu chi ngân sách xã năm 2022

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 28/12/2021 của HĐND xã Nhật Quang về việc giao dự toán thu chi ngân sách xã năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 04/1/2022 của UBND xã Nhật Quang về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2022;

1. Thu ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm năm 2022

Dự toán huyện và HĐND xã giao: 21.059.182.000 đồng

Thực hiện: 26.917.714.687 đồng, đạt 127,82 % dự toán giao.

a. Các khoản thu 100%

Dự toán huyện và HĐND xã giao: 160.000.000 đ

Thực hiện: 62.590.302 đ, đạt 39,12 % dự toán giao.

Cụ thể một số khoản thu cơ bản như sau:

Thu phí, lệ phí: Dự toán huyện và Nghị quyết HĐND xã giao: 20.000.000 đồng, thực hiện: 14.373.000 đồng, đạt 71,87 % dự toán giao.

Thu từ hoa lợi công sản và đất công điền tại xã: Dự toán huyện và nghị quyết HĐND xã giao: 135.000.000 đồng, thực hiện 48.200.000 đồng, đạt 35,7% dự toán giao.

Thu khác ngân sách: Dự toán huyện và NQ HĐND xã giao: 5.000.000 đồng, thực hiện: 17.302 đồng.

b. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ

Dự toán huyện và HĐND xã giao: 16.151.000.000 đ, Thực hiện: 24.032.289.502 đồng, đạt 148,8 % dự toán giao. Cụ thể một số khoản thu như sau:

Thu thuế sử dụng đất PNN: Dự toán huyện và NQ HĐND xã giao: 30.000.000 đồng, thực hiện: 1.157.941 đồng, đạt 3,86% dự toán giao.

Thuế GTGT-TNDN: Dự toán huyện và NQ HĐND xã giao: 20.000.000 đồng, thực hiện: 2.734.091 đồng, đạt 13,67% dự toán giao.

Thuế thu nhập cá nhân: Dự toán huyện và NQ HĐND xã giao: 26.000.000 đồng, thực hiện: 68.823.564 đồng đạt 264,71% dự toán giao.

Lệ phí trước bạ nhà đất: Dự toán huyện và NQ HĐND xã giao: 75.000.000 đồng, thực hiện: 121.037.756 đồng đạt 161,38% dự toán giao.

Thu tiền sử dụng đất: Dự toán huyện và NQ HĐND xã giao: 16.000.000.000 đồng, thực



hiện: 23.834.136.150 đồng đạt 148,96% dự toán giao

c. Thu chuyển nguồn: 363.953.883 đồng

d. Thu bổ sung ngân sách cấp trên

- Dự toán huyện và HĐND xã giao: 4.748.182.000 đồng
- Thực hiện: 2.458.881.000 đồng, đạt 51,79% dự toán giao.

Trong đó:

+ Thu bổ sung cân đối ngân sách: 2.458.881.000 đ

4.2. Chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm năm 2022

Dự toán huyện và HĐND xã giao 21.059.182.000 đ,

Thực hiện: 1.391.015.621 đ, đạt 6,61 % dự toán giao.

a. Chi đầu tư phát triển

Dự toán huyện và HĐND xã giao: 16.000.000.000 đ

Thực hiện: 16.712.760.000 đồng, đạt 104,45 % dự toán giao.

b. Chi thường xuyên

Dự toán huyện, HĐND xã giao: 5.059.182.000 đồng, thực hiện: 2.340.928.432 đồng, đạt 46,27 % so với dự toán. Trong đó:

Chi dân quân tự vệ: Dự toán giao: 107.640.000 đồng; thực hiện: 52.294.000 đồng, đạt 48,58 % dự toán giao.

Chi an ninh trật tự: Dự toán giao: 107.640.000 đồng; thực hiện: 26.495.000 đồng, đạt 24,61 % dự toán giao.

Sự nghiệp y tế: Dự toán giao: 36.896.600 đồng; thực hiện: 7.368.050 đồng, đạt 19,97 % dự toán giao.

Chi đài truyền thanh: Dự toán giao: 48.046.000 đồng, thực hiện: 31.861.500 đồng, đạt 66,31 % dự toán giao.

Sự nghiệp kinh tế: Dự toán giao: 560.000.000 đồng, thực hiện: 509.585.000 đồng, đạt 91% dự toán giao.

Chi sự nghiệp xã hội: Dự toán giao: 164.896.200 đồng, thực hiện: 78.522.000 đồng, đạt 47,62% dự toán giao.

Chi quản lý nhà nước: Dự toán giao: 2.071.060.200 đồng; thực hiện: 867.667.541 đồng, đạt 41,89 % dự toán giao.

Chi hoạt động Đảng: Dự toán giao: 594.201.000 đồng; thực hiện: 244.513.322 đồng, đạt 41,15% dự toán giao.

Chi Mặt trận Tổ quốc: Dự toán giao: 206.312.000 đồng; thực hiện: 88.546.300 đồng, đạt 42,92% dự toán giao.

Chi Đoàn TN: Dự toán giao: 163.856.000 đồng; thực hiện: 84.694.637 đồng, đạt 51,69% dự toán giao.

Chi Hội Phụ nữ: Dự toán giao: 129.060.000 đồng; thực hiện: 57.186.484 đồng, đạt 44,31 % dự toán giao.

Chi Hội CCB: Dự toán giao: 169.838.000 đồng; thực hiện: 91.253.874 đồng, đạt 53,73% dự toán giao.

Chi Hội Nông dân: Dự toán giao: 125.368.000 đồng; thực hiện: 62.183.924 đồng, đạt 49,6% dự toán giao.



Chi hội chữ thập đỏ: Dự toán giao: 28.244.000 đồng; thực hiện: 11.082.000 đồng, đạt 39,24% dự toán giao.

Chi hội Khuyến học: Dự toán giao: 5.000.000 đồng; thực hiện: 0 đồng, đạt 0% dự toán giao.

Chi hội người cao tuổi: Dự toán giao: 46.124.000 đồng; thực hiện: 20.064.000 đồng, đạt 43,5% dự toán giao.

Trên đây là thuyết minh tình hình thực hiện thu chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm năm 2022. Ủy ban nhân dân xã trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy- HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các đại biểu HĐND xã;
- Lưu: VT.

T.M ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Ân



**BIÊN BẢN CÔNG KHAI SỐ LIỆU THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ 6
THÁNG ĐẦU NĂM NĂM 2022
VÀ CÔNG KHAI BẢNG HÌNH THỨC NIÊM YẾT**

Hôm nay ngày 05/7/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Nhật Quang tiến hành họp để phổ biến công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã 6 tháng đầu năm năm 2022.

Cán bộ công chức Ủy ban nhân dân xã Nhật Quang. Tổng số: 17/17 đồng chí
 Chủ trì: đồng chí Nguyễn Thế Ân: Chủ tịch UBND xã;
 Thư ký: đồng chí: Vũ Thị Thỏa: Công chức văn phòng thống kê.

1. Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã 6 tháng đầu năm năm 2022:

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Thực hiện niêm yết các mẫu công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã 6 tháng đầu năm năm 2022 theo hướng dẫn của Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

2. Về hình thức và thời điểm, thời gian niêm yết công khai:

Công khai trong cuộc họp của cơ quan khi đã được HĐND xã phê duyệt số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã 6 tháng đầu năm năm 2022, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác.

Niêm yết công khai tại bảng thông báo cơ quan đảm bảo thuận tiện cho cán bộ cơ quan biết.

Thời điểm niêm yết từ 5/7/2022 đến 5/8/2022.

3. Tổ chức thực hiện:

Đ/c chủ tịch UBND xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức thời điểm công khai theo quy định và kế hoạch đề ra. Thực hiện tổng kết đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

Yêu cầu các đồng chí trong ủy ban nhân dân xã nghiêm túc thực hiện, báo cáo kịp thời, đúng quy định theo kết hoạch đề ra.

Cuộc họp kết thúc vào hồi 9h30 cùng ngày với sự nhất trí 100% của cán bộ trong cơ quan./.

THU' KÝ

Vũ Thị Thỏa



CHỦ TỊCH UBND

Nguyễn Thế Ân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NHẬT QUANG**

Số: 26^c/TB-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Nhật Quang, ngày 05 tháng 7 năm 2022

THÔNG BÁO

(V/v niêm yết công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã 6 tháng đầu năm năm 2022)

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT – BTC ngày 30/12/2016 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách, Thông tư số 61/2017/TT – BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 28/12/2021 của HĐND xã Nhật Quang về việc giao dự toán thu chi ngân sách xã năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 04/1/2022 của UBND xã Nhật Quang về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2022;

Nay UBND xã Nhật Quang thông báo về việc niêm yết công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã 6 tháng đầu năm năm 2022 cụ thể như sau:

1/ Thời gian niêm yết công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã 6 tháng đầu năm năm 2022 kể từ hồi 7 giờ 00 phút ngày 05 tháng 7 năm 2022 đến 7 giờ 00 phút ngày 05 tháng 8 năm 2022.

2/ Địa điểm niêm yết công khai tại: Phòng một cửa của UBND xã Nhật Quang.

Ủy ban nhân dân xã yêu cầu công chức Tài chính kế toán xã, Đài truyền thanh xã, các Ông Trưởng thôn thông báo tới toàn thể cán bộ, công chức cơ quan và nhân dân được biết./.

Nơi nhận:

- Đảng ủy, HĐND xã;
- MTTQ xã;
- Đài TT xã;
- Trưởng thôn;
- Lưu VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thế Ân

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022



Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	21.059.182.000	26.917.714.687	127,82
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	160.000.000	62.590.302	39,12
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	16.151.000.000	24.032.289.502	148,80
3	Thu bổ sung	4.748.182.000	2.458.881.000	51,79
	- Bổ sung cân đối ngân sách	4.748.182.000	2.458.881.000	51,79
	- Bổ sung có mục tiêu			
4	Thu chuyển nguồn		363.953.883	
II	TỔNG SỐ CHI	21.059.182.000	19.053.688.432	90,48
1	Chi đầu tư phát triển	16.000.000.000	16.712.760.000	104,45
2	Chi thường xuyên	4.919.182.000	2.340.928.432	47,59
3	Dự phòng	140.000.000		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSNN	THU NSX
A	B	I	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2		
	Tổng số thu	25.198.182.000	21.059.182.000	36.313.811.192	26.917.714.687	144,11	127,82		
I	Các khoản thu 100%	160.000.000	160.000.000	62.616.102	62.590.302	39,14	39,12		
1	Phí, lệ phí	20.000.000	20.000.000	14.373.000	14.373.000	71,87	71,87		
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	135.000.000	135.000.000	48.200.000	48.200.000	35,70	35,70		
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			43.102	17.302				
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định								
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân								
8	Thu khác	5.000.000	5.000.000						
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	20.290.000.000	16.151.000.000	33.428.360.207	24.032.289.502	164,75	148,80		
1	Các khoản thu phân chia	30.000.000	30.000.000	1.157.941	1.157.941	3,86	3,86		
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp								
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình								
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	150.000.000	75.000.000	242.075.503	121.037.756	161,38	161,38		
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất								
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	20.000.000.000	16.000.000.000	33.000.000.000	23.834.136.150	165,00	148,96		
2.1	Thu tiền sử dụng đất								
2.2	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước								
2.3	Thuế tài nguyên								
2.4	Thuế GTGT - TNDN	50.000.000	20.000.000	7.126.863	2.734.091	14,25	13,67		
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp								
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	60.000.000	26.000.000	171.599.900	68.823.564	286,00	264,71		
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt								
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)								
IV	Thu chuyển nguồn			363.953.883	363.953.883				
V	Thu kết dư ngân sách năm trước								
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.748.182.000	4.748.182.000	2.458.881.000	2.458.881.000	51,79	51,79		
1	Thu bổ sung cân đối	4.748.182.000	4.748.182.000	2.458.881.000	2.458.881.000	51,79	51,79		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		THU NSNN	THU NSX		THU NSNN	THU NSX		THU NSNN	THU NSX	
		1	2		3	4		5 = 3/1	6 = 4/2	
A	B									
2	Thu bổ sung có mục tiêu									



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN				ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)				SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ 1	XDCB 2	TX 3	TỔNG SỐ 4	XDCB 5	TX 6	TỔNG SỐ 7 = 4/1	XDCB 8 = 5/2	TX 9 = 6/3		
A	B	21.059.182.000	16.000.000.000	5.059.182.000	19.053.688.432	16.712.760.000	2.340.928.432	90,48	104,45	46,27		
	Trong đó:											
1	Chi công tác DQTV, TT ATXH											
1.1	Chi dân quân tự vệ	107.640.000		107.640.000	52.294.000		52.294.000	48,58		48,58		
1.2	Chi trật tự an toàn xã hội	107.640.000		107.640.000	26.495.000		26.495.000	24,61		24,61		
2	Chi giáo dục	141.850.000	141.850.000									
3	Chi y tế	36.896.600		36.896.600	7.368.050		7.368.050	19,97		19,97		
4	Chi văn hóa, thông tin	5.000.000		5.000.000								
5	Chi phát thanh, truyền thanh	48.046.000		48.046.000	31.861.500		31.861.500	66,31		66,31		
6	Chi thể dục, thể thao	5.000.000		5.000.000								
7	Chi bảo vệ môi trường	160.000.000		160.000.000	99.540.000		99.540.000	62,21		62,21		
8	Chi các hoạt động kinh tế											
8.1	Giao thông	12.601.407.000	12.081.407.000	520.000.000	17.212.760.000	16.712.760.000	500.000.000	136,59	138,33	96,15		
8.2	Nông nghiệp - Thú y	40.000.000		40.000.000	9.585.000		9.585.000	23,96		23,96		
9	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.766.438.200	2.306.743.000	3.459.695.200	1.496.046.082		1.496.046.082	25,94		43,24		
9.1	Quản lý Nhà nước	4.377.803.200	2.306.743.000	2.071.060.200	867.667.541		867.667.541	19,82		41,89		
9.2	Đảng Cộng sản Việt Nam	594.201.000		594.201.000	244.513.322		244.513.322	41,15		41,15		
9.3	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	206.312.000		206.312.000	88.546.300		88.546.300	42,92		42,92		
9.4	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	163.856.000		163.856.000	84.694.637		84.694.637	51,69		51,69		
9.5	Hội Liên hiệp Phụ nữ	129.060.000		129.060.000	57.186.484		57.186.484	44,31		44,31		
9.6	Hội Cựu chiến binh	169.838.000		169.838.000	91.253.874		91.253.874	53,73		53,73		
9.8	Hội Nông dân	125.368.000		125.368.000	62.183.924		62.183.924	49,60		49,60		
10	Chi cho công tác xã hội	1.634.896.200	1.470.000.000	164.896.200	78.522.000		78.522.000	4,80		47,62		
10.1	Hưu xã và trợ cấp khác	1.634.896.200	1.470.000.000	164.896.200	78.522.000		78.522.000	4,80		47,62		
11	Chi tổ chức xã hội	79.368.000		79.368.000	31.146.000		31.146.000	39,24		39,24		
11.1	Chi Hội Khuyến học	5.000.000		5.000.000								
11.2	Chi Hội Người cao tuổi	46.124.000		46.124.000	20.064.000		20.064.000	43,50		43,50		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
11.3	Chi Hội Chữ thập đỏ	28.244.000		28.244.000	11.082.000		11.082.000	39,24		39,24
12	Chi khen thưởng	20.000.000		20.000.000						
13	Chi khác									
14	Chi Dự phòng tăng lương TX	70.000.000		70.000.000	8.070.800		8.070.800	11,53		11,53
15	Tiết kiệm chi thực hiện CCTL	95.000.000		95.000.000						
16	Chi tạo nguồn CCTL									
17	Dự phòng	140.000.000		140.000.000						

